

Cypress High School

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2023-2024 (Công bố trong năm học 2024-2025)



Thông tin chung về Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hằng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và quyền truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

Quý vị có thể yêu cầu nhận bản cứng Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học tại Văn Phòng Trường.

DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy cập Internet

Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.

Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học California (UC)	Yêu cầu tuyển sinh vào UC tuân theo các hướng dẫn nêu trong Kế Hoạch Chung, trong đó yêu cầu một phần tám số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông của tiểu bang, cũng như những học sinh chuyển trường đã hoàn thành các khóa học đại học cụ thể, đủ điều kiện được tuyển sinh vào UC. Những yêu cầu này được thiết kế nhằm đảm bảo tất cả học sinh đủ điều kiện đều được chuẩn bị đầy đủ cho chương trình học ở bậc Đại học. Để biết các yêu cầu tuyển sinh chung, vui lòng truy cập trang web Thông Tin Tuyển Sinh của UC tại địa chỉ https://admission.universityofcalifornia.edu/ .
Yêu Cầu Tuyển Sinh vào Đại Học Tiểu Bang California (CSU)	Điều kiện để được nhận vào CSU được xác định bởi ba yếu tố: (1) Các khóa học cụ thể ở trường trung học, (2) Điểm số ở các khóa học cụ thể và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho các chuyên ngành cụ thể hoặc học sinh cư trú bên ngoài khu vực trường. Do số lượng học sinh nộp đơn nhiều nên một số trường có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chuẩn tuyển sinh bổ sung) cho tất cả các ứng viên. Hầu hết các cơ sở CSU đều có chính sách đảm bảo tuyển sinh tại địa phương cho học sinh tốt nghiệp hoặc chuyển tiếp từ các trường trung học và cao đẳng có lịch sử liên kết với cơ sở CSU trong khu vực đó. Để biết thông tin về tuyển sinh, cách nộp đơn và lệ phí, vui lòng tham khảo trang web CSU tại địa chỉ https://www2.calstate.edu/ .

Thông tin liên lạc của Trường năm học 2024-25	
Tên Trường học	Cypress High School
Đường phố	9801 Valley View Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	Cypress, CA 90630-3923
Số điện thoại	714-220-4144
Hiệu Trường	Jennifer L. Brown
Địa chỉ email	brown_j@auhsd.us
Trang web của Trường	https://cypress.auhsd.us
Phạm vi cấp lớp	9-12
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDE)	30664313030038

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2024-25	
Tên Khu học chánh	Anaheim Union High School District
Số điện thoại	714-999-3511
Giám Đốc Khu Học Chánh	Michael B. Matsuda
Địa chỉ email	webmaster@auhsd.us
Trang web của Khu học chánh	https://www.auhsd.us

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25
Vision and Purpose: Cypress High school continues to serve students in grades 9-12 and offers a secondary educational program that focuses on a rigorous academic course of study to prepare students for post-secondary education, as well as provides students with a rich array of career-planning opportunities.
School Mission Statement: The mission of Cypress High School is to foster a safe, positive learning environment that enables students to achieve their potential in an atmosphere, which promotes responsible citizenship and an appreciation of individual differences. The climate of the Cypress High School community is founded on academic excellence and high expectations.
Student Learner Outcomes: COMMUNICATION

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2024-25

Acquire the skills to read, write, and communicate effectively in English
Develop the ability to speak clearly and listen actively
Apply computations and mathematical operations accurately
Write across the curriculum using appropriate academic vocabulary

CRITICAL THINKING

Demonstrate proficiency in critical analysis
Evaluate with an objective level of understanding
Apply complex problem solving processes to everyday life and persevere in solving problems
Increase competency in the use of technology

COLLABORATION

Participate in academic and vocational units and use strategies leading to career pathway programs and/or higher education
Formulate and implement an educational/career plan that includes participation in curricular and co-curricular programs
Focus upon behavior accountability in an atmosphere conducive to mutual respect, individual growth, and personal safety
Work within a group effectively and cooperatively

CREATIVITY

Engage in activities promoting physical, mental, and emotional well-being
Cultivate an appreciation and knowledge of the arts
Create a desire to be a life-long learner
Reason abstractly and quantitatively

Educational Highlights:

Cypress High School is a comprehensive campus for grades 9-12 with an enrollment of approximately 2688 students. Cypress High School is also a Gold Ribbon School, California Distinguished School, National Honor Roll School, Civic Learning Award of Excellence recipient, and a California Democracy School committed to preparing all students for college and career readiness. As part of our Partnership for the 21st Century, students utilize collaboration, verbal and written communication, creativity, and application of learning or project-based assessments as part of all students' academic/classroom experience. The school maintains a rigorous academic focus, in which all curricula are closely aligned with California State Standards, emphasizing preparing students for college or alternative career paths. Cypress High is among the top academically performing schools in the state. Academic achievement is ranked in the top decile for schools statewide and in 100 similar schools. Cypress High School offers various electives, which support the Career Pathways Program, visual and performing arts programs, athletic programs, and advanced placement and honors-level courses to enhance students' preparation for college entrance. Cypress High School maintains high expectations for student behavior and academic progress.

Cypress High School offers a wide array of courses that meet the University of California A-G requirements. Nineteen Advanced Placement (AP) courses are offered (in 51 sections); and, all students are expected to enroll in A-G coursework. 80.79% of graduating seniors from the class of 2024 completed the University of California A-G admission requirements. In 2024, the graduating class reported the following post-secondary plans: 52% Four-year University, 44% Community College, .02% Military Enlistment, 2% Vocational/Trade School, and 2% Work Full Time/Unknown

Opportunities for visual and performing arts include Choir (Treble, Show, Concert), Band (Symphonic, Concert, Wind Ensemble, Marching), Musical Production (Colorguard, Pageantry), Dance (1 & 2), Drawing and Painting (1, 2, & 3), Theater (1, 2 & 3), Stagecraft, Guitar, Commercial Photography, Graphic Communications, Digital Animation, Drawing and Painting (1, 2, & 3), Advanced Placement Drawing, and Yearbook. World languages are offered in Spanish (1, 2, 3, & 4), Spanish for Spanish Speakers (1, 2, & 3), Advanced Placement Spanish Language, French (1, 2, 3, & 4), Korean (1), and American Sign Language (1, 2, 3, & 4). Career Technical Education (CTE) Pathways include: Design Visual and Media Arts (Animation), Design Visual and Media Arts (Graphic Communication), Design Visual and Media Arts (Photography), Managerial & Production Arts, Child Development, Software and Systems Development, Food Services and Hospitality, Law and Justice (Legal Practices), Law and Justice (Public Safety), Patient Care, Entrepreneurship & Self Employment, Energy & Power Technology, Engineering & Architecture. Regional Occupational Program (ROP) classes in Child Development/Child Care (Preschool 1 & 2), Patient Care (Medical Careers/Sports Medicine), Public Safety (Introduction to Criminal Justice/Criminal Investigation), and Legal Professions (1 & 2) are offered on campus during the regular school day. Various other ROP programs are provided to students after school as well. Additionally, Cypress College has partnered with the AUHSD to offer Dual Enrollment for students; these courses are embedded in Cypress High School Pathways and all CFT classes have Counseling 140 embedded within the semester. Courses are also offered for after-school Dual Enrollment.

Support classes to help close the achievement gap include special education collaboration classes (classes with Instructional Aide support) and/or support in ELA, Mathematics, Science, Social Science and Elective courses. Co-taught classes (classes with both a general education teacher and a special education teacher) in core subjects. After-school peer tutoring is provided two days per week by the California Scholarship Federation with teacher supervision and support. Additional tutoring resources are offered through College Tutors every Monday - Thursday from 2:00 - 4:30 pm and by the Math Club.

Cypress High School's extra-curricular activities include 70 student clubs and 27 varsity athletic teams.

Tuyển sinh năm 2023-24 theo từng khối lớp	
Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 9	657
Lớp 10	687
Lớp 11	696
Lớp 12	665
Tổng tuyển sinh	2,705

Tuyển sinh năm 2023-24 theo nhóm học sinh	
Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	49.5
Nam	50.4
Phi nhị giới	0.1
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.7
Người gốc Á	33.5
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	3.1
Người gốc Philippines	6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	31.8
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.6
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	5.6
Người Da Trắng	18.3
Người Học Tiếng Anh	5.1
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.3
Học sinh vô gia cư	1.4
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	51.4
Học sinh khuyết tật	9.3

A. Điều kiện học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2020-21

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	84.30	83.75	897.90	74.43	228366.10	83.12
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.00	0.00	3.00	0.25	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	3.30	3.31	49.90	4.14	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	29.50	2.45	12115.80	4.41
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	13.00	12.92	226.00	18.73	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	100.70	100.00	1206.40	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	100.80	88.65	1094.60	83.18	234405.20	84.00
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	2.00	1.76	8.50	0.65	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	5.10	4.56	73.20	5.56	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.60	0.58	32.80	2.50	11953.10	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	5.00	4.43	106.80	8.11	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	113.70	100.00	1316.10	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Ủy quyền/Phân công	Trường học Số	Trường học Phần trăm	Khu học chánh Số	Khu học chánh Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	104.90	91.18	1131.10	84.42	231142.40	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	0.30	0.31	12.10	0.90	5566.40	2.00
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	3.00	2.67	55.40	4.14	14938.30	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	41.30	3.09	11746.90	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	6.70	5.83	99.80	7.45	14303.80	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	115.10	100.00	1340.00	100.00	277698.00	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/Phân công	2020-21	2021-22	2022-23
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	1.00	0
Phân công sai	3.30	4.10	3
Vị trí trống	0.00	0.00	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	3.30	5.10	3

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	0.00	0.50	0
Các tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.10	0
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	0.00	0.60	0

Phân công lớp học

Chỉ số	2020-21	2021-22	2022-23
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	4.60	3.5	4.3
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc ủy quyền giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ ủy quyền giảng dạy)	4.80	0.5	0.4

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2024-25

All content subject areas utilize standards-aligned, State and District adopted textbooks and instructional materials. Teachers have input into the textbook selection process at the district level through an established curriculum cycle. Teachers are given in-depth training on the instructional materials and the ancillary materials that accompany the basic textbook material. Ancillary materials support both the language needs and the learning needs of students.

This information was collected September 2024.

Năm và tháng dữ liệu được thu thậpSeptember 13, 2024

Môn học	Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác/năm áp dụng	Từ lần áp dụng gần đây nhất?	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	English language arts textbooks, Houghton Mifflin Harcourt- Collections, were adopted in 2014-15. There is one textbook available per student.	Yes	0
Toán	Mathematics textbooks, by Houghton Mifflin Harcourt for 7-8 grades and Mc Graw Hill for 9-12 grades were adopted in 2020-21. Course appropriate, standards-aligned instructional materials have been selected for each mathematics course. There is one textbook available per student. All were adopted during the 2020-2021 school year. Math 7/7H & Math 7: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 7 Math 8/8H & Math 8: Houghton Mifflin Harcourt - Into Math Grade 8 Integrated Math I: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I Integrated Math II: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math II Integrated Math III: McGraw Hill - Reveal Math Integrated Math III Integrated Math 1-2 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated I & McGraw Hill - Reveal Math Integrated II Integrated Math 2-3 HP: McGraw Hill - Reveal Math Integrated II & McGraw Hill - Reveal Math Integrated III	Yes	0
Khoa Học	Science textbooks, California HMH Science Dimensions was adopted in 2018-19 for 7 & 8 grades. Science textbooks that support Advanced Placement courses are adopted as needed, the most recent adoption occurring in 2021-22, Pearson Environmental Science AP Edition. The following books were adopted for the 24-25 school year: Living Earth: "Experience Biology: The Living Earth" Publisher Miller & Levine, Savvas Chemistry of the Living Earth : "Experience Chemistry in the Earth System" Savvas Physics of the Universe uses OpenSciEd.org online resource There is one textbook available per student.Science textbooks for grades 7 and 8 Integrated Science were adopted in 2018-19: HMH CA Science Dimensions. The e-text and one consumable textbook is available per student.The following instructional materials were adopted in 2024 for the high school level:Living Earth- Savvas- Miller & Levine- Experience Biology: The Living Earth. All students have access to the e-text and a physical textbook within the classroom. Chemistry in Earth Systems- Savvas- Experience Chemistry in the Earth System All students have access to the e-text and a physical textbook within the classroom. Physics of the Universe- OpenSciEd HS Science Physics is an open educational resource.Textbooks that support	Yes	0

	Advanced Placement science courses are adopted as needed, the most recent adoption occurring in 2024, Cengage, Chemistry AP Edition 11th Edition.		
Lịch sử-Khoa học xã hội	History/Social science textbooks were adopted in 2018-19, 2019-20 and 2020-2021 for 12th grade textbooks. 7th grade-Cengage Learning-World History: Medieval and Early Modern Times, CA Student Edition 8th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Growth and Conflict 10th grade- McGraw-Hill-World History, Culture, and Geography: The Modern World, CA Student Edition 11th grade- McGraw-Hill- United States History and Geography- Conflict and Change 12th grade- McGraw-Hill- Principles of American Democracy. Savvas- California Economics Principles in Action There is one textbook available per student.	Yes	0
Ngoại ngữ	Foreign language textbooks are adopted as needed by course. Several courses adopted new textbooks, Houghton Mifflin Harcourt-Avancemos and Houghton Mifflin Harcourt-Bien Dit, in 2016-17. Additionally, supplemental books continue to be adopted each year. There is one textbook available per student. Below is the list of districtwide World Language adopted instructional materials: American Sign Language 1: Master ASL! 1, ISBN: 9781881133209, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 2 and American Sign Language 3: Signing Naturally 3, ISBN: 9781581211351, Adopted: 2017/2018 American Sign Language 4: Translating from English, ISBN: 9781581211009, Adopted 2017/2018 Arabic 1: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 1, ISBN: 9781933269092, Adopted 2019/2020 Arabic 2: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 2, ISBN: 9781933269108, Adopted 2019/2020 Arabic 3 and Arabic 4: Al-Asas for Teaching Arabic to Non-Native Speakers 3, ISBN: 9781933269115, Adopted 2019/2020 French 1: Chemins 1, ISBN: 9781543362237, Adopted: 2023/2024 French 2: Chemins 2, ISBN: 9781543362299, Adopted 2023/2024 French 3: Chemins 3, ISBN: 9781543362312, Adopted: 2023/2024 French 4: Chemins 4, ISBN: 9781543362336, Adopted: 2023/2024 AP French Language and Culture: Themes, ISBN: 9781680040272, Adopted: 2015/2016 Japanese 1: Adventures In Japanese 1, ISBN: 781622910564, Adopted: 2015/2016 Japanese 2: Adventures in Japanese 2, ISBN: 9781622910663, Adopted: 2015/2016 Japanese 3: Adventures in Japanese 3, ISBN: 9780887173995, Adopted: 2003/2004 Japanese 4: Adventures in Japanese 4, ISBN: 9780887274428, Adopted: 2003/2004 Korean 1: EPIC Korean 1, ISBN: 9781636849409, Adopted: 2022/2023 Korean 2: EPIC Korean 2, ISBN: 9781636849423, Adopted: 2022/2023 Korean 3: EPIC Korean 3, ISBN: 9781636849447, Adopted: 2023/2024 Korean 4: EPIC Korean 4, ISBN: 9781636849461, Adopted: 2022-2023	Yes	0

	Mandarin 1 and Mandarin 2: Zhen Bang! 1, ISBN: 9780821981368, Adopted: 2015/2016 Mandarin 3 and Mandarin 4: Zhen Bang! 2, ISBN: 9780821988237, Adopted: 2015/2016 Spanish 1: Senderos 1, ISBN: 9781543357936, Adopted: 2023/2024 Spanish 2: Senderos 2, ISBN: 9781543358070, Adopted: 2023/2024 Spanish 3: Senderos 3, ISBN: 9781543358131, Adopted: 2023/2024 Spanish 4: Senderos 4, ISBN: 9781543358193, Adopted: 2023/2024 Spanish for Spanish Speakers 1: Cajas de Cartón (The Circuit), ISBN: 9780618226160 (Novel), La Casa De Mango Street (The House on Mango Street), ISBN: 9780679755265 (Novel), El Color de Mis Palabras, ISBN: 9781930332751 (Novel), Esperanza Renace (Esperanza Rising), ISBN: 9780439398855 (Novel), Adopted: 2017 Spanish for Spanish Speakers 2: Antes de Ser Libres, ISBN: 9780375815454 (Novel), Caramelo, ISBN: 9781400030996 (Novel), Senderos Fronterizos (Breaking Through), ISBN: 9780618226184 (Novel), La Travesía de Enrique (Enrique's Journey), ISBN: 9780553535549 (Novel), Voces Sin Fronteras (Voices without Frontiers), ISBN: 9781400077199 (Novel), Adopted: 2017 Spanish for Spanish Speakers 3: Más Allá de Mí, ISBN: 9780547250311 (Novel), El Alquimista (The Alchemist), ISBN: 9780062511409 (Novel), Cuando Era Puertorriqueña (When I was Puerto Rican), ISBN: 9780679756774 (Novel), Los de Abajo, ISBN: 9780140266214 (Novel), Me Llamo Rigoberta Menchu, ISBN: 9789682313158 (Novel), Adopted: 2017 AP Spanish Literature & Culture: Azulejo, ISBN: 9781938026225, Adopted: 2022/2023 AP Spanish Language & Culture: Temas, ISBN: 9781543301380, Adopted: 2022/2023 and Abriendo Puertas, ISBN: 9780618222070, Adopted: 2012/2013 IB Spanish: Temas Para Español B, ISBN: 9781543310658, Adopted: 2019/2020 Vietnamese 1 and Vietnamese 2: Tiếng Việt M?n Yêu A, ISBN: 9780997751208, Adopted 2018/2019 Vietnamese 3: Tiếng Việt M?n Yêu B, ISBN: 9780997751215, Adopted 2019/2020 Vietnamese 4H and Vietnamese 5H: Tiếng Việt M?n Yêu C, ISBN: 9780997751222, Adopted 2019/2020 Vietnamese 6H: Tiếng Việt M?n Yêu D, ISBN: 9780997751231, Adopted 2019/2020		
Sức khỏe	Health textbooks, McGraw Hill-Teen Health for 7-8 grades, and Goodheart Wilcox-Comprehensive Health for High School were adopted in 2016-17. There is one textbook available per student.	Yes	0
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	Visual and performing arts students have access to course appropriate textbooks and instructional materials.	Yes	0
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Không áp dụng	Không áp dụng	0
Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.			

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

Cypress High School opened its doors in 1973. The 39.7-acre site includes 70 regular classrooms. Additionally, there are seven specialized rooms for classes in culinary arts, choral music, instrumental music, dance, preschool, and two weight conditioning rooms for athletics. There are 15 classroom labs, ten for science, and five for computer technology. The site also includes a cafeteria, a library/media center that houses two additional computer labs, an auditorium, two gymnasiums, a newly renovated pool facility, and a variety of sports fields.

Maintenance and Repair: Site and District maintenance staff ensure that the repairs necessary to keep the school in good repair and working order are completed in a timely manner. A work order process is used to ensure efficient service. Emergency repairs are given the highest priority.

Cleaning Process and Schedule: The District's Board of Trustees has adopted cleaning standards for all schools. The administration works daily with the custodial staff to develop cleaning schedules to ensure a clean and safe school. All classrooms and restrooms are cleaned daily. Deep cleaning, including waxing of floors and painting, takes place during times when students are not in classes. Students, parents, and staff are encouraged to report any objectionable conditions via a uniform complaint procedure. Hands-free watering stations and touchless hand-sanitizing stations are throughout the campus.

Modernization/new construction: The most recent Cypress High School project, about 8 years ago, yielded 16 additional classrooms, a practice gym, and additional student and staff parking. Modernization also included 9 campus buildings and encompassed 72 classrooms.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhất				October, 2024
Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá Tốt	Đánh giá Trung bình	Đánh giá Kém	Cần sửa chữa và hành động đã thực hiện hoặc đã lên kế hoạch
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất		X		Room 502 The drywall is damaged on the west wall. Planned Action to be Taken: Repair the drywall damaged, on the west wall, of Room 502. Women's Restroom – There is water damage on the west wall toilet stall, where the drywall meets the tile. Planned Action to be Taken: Repair the water damage on the west wall toilet stall, where the drywall meets the tile, in the Women's Restroom in the Media Center. Pool Deck Office – There are visible water stains on the walls. Planned Action to be Taken: Repair the visible water stains on the walls, in the Pool Deck Office.
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa:	X			
Nhà vệ sinh, bồn rửa	X			
An toàn:	X			
An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu:	X			There are various cracks on the ceiling in the girls and boy's quad restroom. Planned Action to be Taken: Repair the various cracks on the ceiling in the girls and boy's quad restroom. There is extensive water damage on the ceiling of the boy's locker room. Planned Action to be Taken: Repair the extensive water damage on the ceiling of the boy's locker room.
Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà				

Điều kiện cơ sở vật chất của trường và những cải tiến theo kế hoạch

				Custodial Closet – There is water damage on the ceiling and around the drains that come from the roof. Planned Action to be Taken: Repair the water damage on the ceiling and around the drains that come from the roof, in the Custodial Closet.
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cổng/Hàng rào	X			Broken concrete between the staff parking lot and the theater, in front of the wheelchair ramp before ascending, and by the storm drain by the concrete bench on the side of the wheelchair ramp. Planned Action to be Taken: Repair broken concrete between the staff parking lot and the theater, in front of the wheelchair ramp before ascending, and by the storm drain by the concrete bench on the side of the wheelchair ramp. Several steps have edges broken, and the rebar is visible in one area. Planned Action to be Taken: Repair the several steps that have edges broken, and the rebar is visible in one area. On concrete between buildings B,E and F (Counseling, 200 and 300 buildings) there are numerous large, wide cracks and chunks of concrete that have broken off. Planned Action to be Taken: Repair the numerous large, wide cracks and chunks of concrete that have broken off, between buildings B,E and F (Counseling, 200 and 300 buildings). Nearest to the Centurion sign, there is broken cement near a "Storm Drain" access. There is a large slab of concrete that is old with very large cracks. Planned Action to be Taken: Repair the broken cement near the "Storm Drain" access, nearest to the Centurion sign. Between the front of the media center and the large planter facing the visitor parking, there are large cracks along various slabs of concrete. Planned Action to be Taken: Repair the large cracks along various slabs of concrete, between the front of the media center, and the large planter facing the visitor parking.

Đánh giá chung về cơ sở vật chất

Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết quả học tập của học sinh

Ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành tích của học sinh (Ưu tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP						
Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.						
Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.						
Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.						
Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	77	74	42	42	46	47
Toán (lớp 3-8 và 11)	49	50	24	24	34	35

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYÊN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	673	656	97.47	2.53	74.35
Nữ	329	321	97.57	2.43	79.75
Nam	343	334	97.38	2.62	69.07
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	247	243	98.38	1.62	91.36
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	16	16	100.00	0.00	50.00
Người gốc Philippines	39	39	100.00	0.00	89.74
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	195	190	97.44	2.56	60.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	34	32	94.12	5.88	58.06
Người Da Trắng	136	130	95.59	4.41	66.15
Người Học Tiếng Anh	26	25	96.15	3.85	24.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--	--
Quân đội	27	27	100.00	0.00	70.37
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	347	340	97.98	2.02	68.44
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	43	40	93.02	6.98	28.21

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

(CAASPP) Nhóm học sinh	(CAASPP) Tổng TUYỂN SINH	(CAASPP) Số được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm không được khảo thí	(CAASPP) Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	673	660	98.07	1.93	49.70
Nữ	329	323	98.18	1.82	47.83
Nam	343	336	97.96	2.04	51.64
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	247	244	98.79	1.21	77.05
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	16	16	100.00	0.00	25.00
Người gốc Philippines	39	39	100.00	0.00	71.79
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	195	191	97.95	2.05	25.13
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	34	32	94.12	5.88	29.03
Người Da Trắng	136	132	97.06	2.94	35.88
Người Học Tiếng Anh	26	26	100.00	0.00	30.77
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	--	--	--	--	--
Quân đội	27	27	100.00	0.00	44.44
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	347	343	98.85	1.15	41.52
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	43	41	95.35	4.65	10.00

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	56.28	53.92	28.38	28.30	30.29	30.73

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2023-24 môn Khoa học theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh lớp năm, lớp tám và trung học. Dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm học sinh	Tổng TUYỂN SINH	Số được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	1315	1291	98.17	1.83	54.03
Nữ	650	638	98.15	1.85	51.10
Nam	662	650	98.19	1.81	56.86
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	454	448	98.68	1.32	76.56
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	39	38	97.44	2.56	34.21
Người gốc Philippines	80	80	100.00	0.00	61.25
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	398	391	98.24	1.76	39.39
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	81	78	96.30	3.70	48.05
Người Da Trắng	247	240	97.17	2.83	39.17
Người Học Tiếng Anh	36	34	94.44	5.56	14.71
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	12	12	100.00	0.00	8.33
Quân đội	56	56	100.00	0.00	51.79
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	530	520	98.11	1.89	43.93
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	97	92	94.85	5.15	15.38

Chương trình Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật 2023-24

Cypress High School has 13 career pathways that represent several industries that suit the needs, interests, and demands of its diverse student body. During the 2024-2025 school year, courses were offered in the following career industries: Design Visual and Media Arts (Animation), Design Visual and Media Arts (Graphic Communication), Design Visual and Media Arts (Photography) , Managerial & Production Arts, Child Development, Software and Systems Development, Food Services and Hospitality, Law and Justice (Legal Practices), Law and Justice (Public Safety), Patient Care, Entrepreneurship & Self Employment, Energy & Power Technology, Engineering & Architecture.

Our CTE pathway courses are designed using the CTE Model Curriculum Standards, ensuring that students are developing the key skills needed to succeed in both school and the workplace. All of our teachers are trained to provide the best possible instruction for all students, including those in CTE pathways, with a focus on universal design for learning, ensuring that all students can access the curriculum. Our district measures the success of our CTE programs by evaluating the graduation rate, A-G completion rate, post-secondary enrollment, and when possible, the career placement of students. This data guides which CTE pathways are offered, as well as the alignment between curriculum and the needs of each industry sector. CTE teachers attend regional advisory boards for each industry sector to stay up to date on the latest trends, skills desired of employers, employment outlook, and post-secondary programs related to the industry sector. These advisory boards are provided by Vital Link, a local non-profit organization that connects businesses with school districts, ensuring that the

Chương trình Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật 2023-24

knowledge gained at the advisory boards represents the surrounding region. In addition, each year, Cypress students send representatives to the Anaheim Innovative Mentoring Experience which culminates in a paid summer internship position with our community, non-profit, and industry partners.

Tham gia Giáo Dục Nghề Nghiệp và Kỹ Thuật (CTE) năm 2023-24

Thước đo	Tham gia chương trình CTE
Số lượng học sinh tham gia CTE	1461
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình CTE và nhận bằng tốt nghiệp trung học	67.2
Tỷ lệ các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc liên kết giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học	

Đăng ký/Hoàn thành khóa học

Bảng này hiển thị các yêu cầu tuyển sinh/hoàn thành khóa học của Đại Học California (UC) và/hoặc Đại Học Tiểu Bang California (CSU).

Thước đo Khóa học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh năm 2023-24 đã đăng ký các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	98.71
Học sinh tốt nghiệp năm 2022-23 đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	80.82

B. Kết quả học tập của học sinh Ưu tiên của Tiểu bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Kết Quả Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và trung đạt hoặc vượt Tiêu chuẩn của Tiểu bang. Việc tổ chức khảo thí PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia của năm lĩnh vực thể lực này. Phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được khảo thí từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Khả năng hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 9	91	92	92	91	92

C. Mức độ gắn kết Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của phụ huynh (Ưu tiên 3) Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

Parents are actively involved with the school through the Parent Teacher Student Association (PTSA), booster clubs for athletics and performing arts, the School Site Council (SSC), English Learner Advisory Committee (ELAC), the Korean Parent Organization, and other special committees such as WASC's Parent Focus Groups. Parents are invited to attend various informational nights throughout the year to learn about topics such as freshman orientation, scholarships, college financial aid, and parenting strategies. Parents are invited to participate in Parent Learning Walks on campus, including specific language-based learning walks for those parents who are non-native

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2024-25

English speakers, and a special community walk for families interested in attending Cypress in the future. Parents have the opportunity to communicate with teachers daily through the use of academic planners (required for all students), email, and phone calls. Parents may access their student's academic, attendance, and behavioral information using the Aeries and eKadence student database parent portals. Information regarding school activities, events, and counseling services are posted on the school website at cypress.auhsd.us and communicated via the Aeries ParentSquare tool. Our community support liaison (or FACES) is in daily contact, promoting and communicating pertinent information to our community through social media, our school's website, and ParentSquare communications. Parents are encouraged and expected to be part of their student's education and to meet with staff members to improve the learning experiences for their students.-----

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5)

- Tỷ lệ bỏ học bậc Trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Nghỉ học triển miên

Tỷ lệ bỏ học và Tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ nhóm bốn năm)									
Chỉ số	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Tỷ lệ bỏ học	0.6	0.5	0.6	3.6	4.1	4.1	7.8	8.2	8.9
Tỷ lệ tốt nghiệp	95.1	97.4	96.4	92.4	91.0	93.2	87.0	86.2	86.4

Tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm bốn năm)			
Bảng này hiển thị tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp .			
Nhóm học sinh	Số lượng học sinh trong nhóm	Số lượng tốt nghiệp trong nhóm	Nhóm Tỷ lệ tốt nghiệp
Tất cả học sinh	632	609	96.4
Nữ	315	305	96.8
Nam	316	303	95.9
Phi nhị giới	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Á	208	202	97.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	23	23	100.0
Người gốc Philippines	40	39	97.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	196	188	95.9
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	45	44	97.8
Người Da Trắng	112	105	93.8

Người Học Tiếng Anh	35	32	91.4
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	--	--	--
Học sinh vô gia cư	17	16	94.1
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	400	383	95.8
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.0	0.0	0.0
Học sinh khuyết tật	54	46	85.2

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Vắng mặt thường xuyên năm 2023-24 theo nhóm học sinh				
Nhóm học sinh	Ghi danh tích lũy	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	2798	2750	396	14.4
Nữ	1383	1353	213	15.7
Nam	1409	1391	180	12.9
Phi nhị giới	--	--	--	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	21	17	6	35.3
Người gốc Á	919	911	60	6.6
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	88	85	15	17.6
Người gốc Philippines	164	163	13	8.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	906	892	176	19.7
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	16	16	3	18.8
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	158	157	30	19.1
Người Da Trắng	519	502	91	18.1
Người Học Tiếng Anh	147	141	24	17.0
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	11	--	--	--
Học sinh vô gia cư	44	42	19	45.2
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	1516	1493	268	18.0
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	265	264	81	30.7

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức độ gắn kết

Ưu tiên của Tiểu bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6)

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các thước đo địa phương khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học									
Bảng này hiển thị dữ liệu đình chỉ và đuổi học.									
Đánh giá	Trường học 2021-22	Trường học 2022-23	Trường học 2023-24	Khu học chánh 2021-22	Khu học chánh 2022-23	Khu học chánh 2023-24	Tiểu bang 2021-22	Tiểu bang 2022-23	Tiểu bang 2023-24
Đình chỉ	1.35	0.99	1.54	2.75	3.78	4.06	3.17	3.6	3.28
Đuổi học	0	0	0	0	0	0	0.07	0.08	0.07

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2023-24		
Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh	1.54	0.00
Nữ	0.94	0.00
Nam	2.13	0.00
Phi nhị giới	0.00	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Á	1.20	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	2.27	0.00
Người gốc Philippines	1.22	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2.10	0.00
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	0.63	0.00
Người Da Trắng	1.54	0.00
Người Học Tiếng Anh	4.08	0.00
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0.00	0.00
Học sinh vô gia cư	6.82	0.00
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	2.18	0.00

Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	4.53	0.00

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2024-25		
School Safety Plans are reviewed, discussed, and updated on an annual basis. Input is gathered from staff, students, and community resource groups along with the School Safety Focus Group and School Site Council in order to determine any needed changes. The Cypress High School Safety Plan is implemented by staff members and the administration. No less than four safety/evacuation drills are conducted throughout the school year. Students, teachers, and other faculty members are required to participate in these drills and it is our intent to have a well-informed and well-practiced campus for the 2024-2025 school year. We are currently revising our safety plan to update information and procedures for in-person paradigms for staff and students and to ensure we are doing everything possible to ensure a safe environment for all stakeholders. School lockdown procedures and evacuation procedures will be practiced throughout the school year; we will also create announcements and tutorials to be broadcast on our video announcements.		
COMPONENT 1: People and Programs -The Social Climate		
Goal #1: Cypress will have a well-informed and well-rehearsed staff and student body in the plan and procedures during an emergency.		
Objective: By May 2025, 100% of the Staff and student body will be trained and rehearsed in disaster procedures and emergency response roles and responsibilities.		
Objective: By May 2025, 100% of the Staff and student body will become familiar with the new evacuation site. Will provide a map with the new location.		
Objective: Revise and update School Safety Plan Emergency Procedures and develop a schedule to roll out new information and rehearsal schedule. Improve emergency readiness based on data collected during drills.		
Objective: Reinforce student knowledge of procedures and policies concerning emergency procedures.		
Goal #2: Staff and students will model safe and responsible behavior, demonstrate professionalism, and exhibit good character		
Objective: By May 2025, 100% of Staff will be informed on the most up-to-date safety information and procedures.		
Goal #3: Staff, students, and parents will know who to contact for support and where to obtain resources.		
Objective: 100% of parents, students, and staff will know where to get social-emotional support and how to connect to resources.		
COMPONENT 2: Place- The Physical Environment		
Goal #1: Stock and maintain the Emergency Safety Shed and check and update Emergency Classroom Packs as well as supply the Search and Rescue Team.		
Objective: By May 2025, 100% of the supplies and resources will be acquired and accounted for. Staff will be trained and have a complete understanding of the disaster plan		
Goal 2: All students and staff members will be provided with a safe teaching and learning environment.		
Objective: By May 2025, 100% of All students and staff members will be provided with a safe teaching and learning environment by properly securing the perimeter of the site and providing appropriate access to best evacuation routes.		
On February 20, 2025 the Cypress School Site Council reviewed the previous year's Safe School Action Plan. The task to update and revise the plan as needed for the coming year (2024-25) has been given to the Safety Team and SSC via discussion, collaboration, and via google docs or email, this report is being updated and signed by the members. It will be available by March 1, 2025 after board approval.		

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bổ quy mô lớp học năm 2021-22

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2020-21. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	27	24	28	57
Toán	30	14	31	45
Khoa Học	31	4	32	42
Khoa Học Xã Hội	30	8	29	36

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bổ quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2021-22. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	28	21	32	47
Toán	30	10	25	54
Khoa Học	30	9	38	31
Khoa Học Xã Hội	32	6	14	46

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bổ quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bổ quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh
Ngữ Văn Anh	28	25	16	52
Toán	34	9	10	59
Khoa Học	32	11	10	48
Khoa Học Xã Hội	33	7	4	51

Tỷ lệ Học sinh so với Cố vấn học tập năm 2023-24

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học thuật. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	338.13

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2023-24

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục "Khác" dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	8
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	2
Nhân viên xã hội	4
Y tá	
Chuyên gia về phát âm/ngôn ngữ/thính giác	1.8
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	1

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2022-23. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng Chi tiêu Mỗi học sinh	Chi tiêu Mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu Mỗi học sinh (Không hạn chế)	Quy mô Giáo Viên Lương
Trường	\$10,025	\$1,927	\$8,865	\$109,178
Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	10,142	\$110,806
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Khu học chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	-13.4	-1.5
Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,771	\$105,265
Phần trăm chênh lệch - Điểm trường và Tiểu bang	Không áp dụng	Không áp dụng	-19.4	3.6

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2023-24

Cypress High School receives funding for the following programs: English Learners, Special Education, Carl Perkins grants, Title II Professional Development, Proposition 28, and Local Control Funding Formula (LCFF). These programs support additional academic support for English Learners, Career and Technical Education pathway programs, VAPA, and ongoing professional development for Cypress High School staff members. Cypress High School supports a safe and secure school site and is fortunate to have a School Resource Officer assigned to our campus for 2024-2025 school year.

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2022-23

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2022-23. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Khu học chánh Số tiền	Trung bình của tiểu bang cho các Khu học chánh trong cùng một Danh mục
Lương giáo viên mới	\$61,034	\$62,635
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$104,665	\$101,698
Mức lương giáo viên cao nhất	\$133,937	\$128,982
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Tiểu học)	\$0	
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Sơ trung)	\$149,493	\$162,013
Mức lương hiệu trưởng trung bình (Trung học)	\$161,969	\$182,697
Lương giám đốc	\$328,935	\$298,748
Phần trăm ngân sách dành cho Lương giáo viên	31.58	30.11
Phần trăm ngân sách dành cho lương của Ban giám hiệu	3.97	4.78

Các khóa học Lớp nâng cao (AP) năm 2023-24

Bảng này hiển thị phần trăm học sinh tham gia các khóa học AP tại trường này.

Tỷ lệ học sinh tham gia các khóa học AP	32.3
---	------

Bảng này hiển thị số lượng khóa học AP được cung cấp tại trường này, nơi có ít nhất một học sinh đăng ký theo học.

Môn học	Số lượng khóa học AP được cung cấp
Khoa học máy tính	0
Tiếng Anh	10
Mỹ thuật và Nghệ thuật biểu diễn	3
Ngoại ngữ	1
Toán	7
Khoa Học	9
Khoa Học Xã Hội	16
Tổng số khóa học AP được cung cấp Có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.	19

Phát triển Chuyên môn

Teachers participate in a variety of District in-services as well as professional development workshops and conferences to enhance their content knowledge and instructional skills. This is in addition to four professional development days and weekly late-start meetings, which are scheduled each year for professional learning activities. New teachers are also required to participate in a teacher induction program. The District and school continue to train teachers in strategies to deliver a differentiated curriculum with depth and complexity. Teachers learn to utilize students' assessment results in order to target instruction to better meet the individual needs of students. Classified staff members

Phát triển Chuyên môn

have many opportunities to participate in training designed to enhance their effectiveness with students. All District staff members are supported in their efforts to deliver highly effective lessons. Teachers and administrators are given many opportunities to examine current instructional programs and strategies and realign with state curriculum performance and content standards. Research-based instructional strategies are reviewed and implemented. Cypress High School uses our staff members as professional resources and utilize many credentialed staff to act as peer instructors; topics include lesson design, technology, eKadence Learning Management System, as well as civic engagement opportunities.

In addition to what the district provides, Cypress High School has weekly professional development opportunities on Thursday's late start days. The time is utilized by departments, specialized programs, and cross-curricular articulation. All educational staff is involved in a variety of workshops and conferences.

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2022-23	2023-24	2024-25
Số ngày học dành cho Phát triển nhân viên và Cải tiến liên tục	10	4	4